

DAY VÀ HỌC CÓ CHẤT LƯỢNG Ở ĐẠI HỌC

■ Đỗ Văn Bình *

TÓM TẮT

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và nhất là của công nghệ thông tin dẫn đến những thay đổi lớn trên nhiều bình diện của xã hội. Trong giáo dục, học phí ngày càng cao, vì vậy mong đợi của sinh viên, phụ huynh và xã hội về chất lượng đào tạo cũng cao hơn. Xu thế đó đòi hỏi nhà trường và giảng viên phải có sự thay đổi về điều kiện học tập và chất lượng giảng dạy. Bài viết này chia sẻ vài nội dung về mục tiêu, cách tiếp cận, các phương pháp giảng dạy đại học được thế giới công nhận là hiệu quả hiện nay.

Từ khóa: đổi mới giáo dục; cấp độ giảng dạy; cách tiếp cận sâu trong giáo dục; cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm.

ABSTRACT

High quality teaching and learning at university

The rapid development of the sciences and technologies, especially the information technology leads to the great changes in many aspects of the society. In education, the students have to pay higher and higher tuition fees. Therefore, they, their parents, and the people in society also expect to have a higher quality of education. Such trends and expectations have required the university and lecturers should have changes in better learning conditions and higher teaching quality. This paper presents some contents on the goals/ objectives/ targets, approaches and teaching methods recognized to be effective by universities in the world currently.

Key words: education innovation; level of teaching; deep approach in education; learner-centered approach.

1. Thực trạng

Từ nhiều năm qua, khi đề cập đến chất lượng giáo dục của nước ta nhiều nhà khoa học, giáo dục và những người quan tâm cho là giáo dục Việt Nam lạc hậu. Liên quan đến vấn đề này có rất nhiều nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng như: cơ chế tổ chức quản lý, trường lớp, phương tiện giảng dạy - học tập, đội ngũ giáo viên / giảng viên, phương pháp giảng dạy... Trong khuôn khổ bài viết ngắn này, dựa trên tham khảo tài liệu và một ít kinh nghiệm cá nhân tác giả xin chia sẻ một số ý kiến liên quan đến phương pháp dạy và học ở đại học.

Nhận xét về phương pháp dạy và học đại học của Việt Nam, năm 2006 đoàn khảo sát thực địa thuộc Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ có những nhận xét sau:

- Phương pháp giảng dạy không hiệu quả, quá phụ thuộc vào các bài thuyết trình và ít sử dụng các kỹ năng học tích cực, kết quả là có ít sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên trong và ngoài lớp học.
- Quá nhấn mạnh vào ghi nhớ kiến thức theo kiểu thuộc lòng mà không nhấn mạnh vào việc học khái niệm hoặc học ở cấp độ cao (như phân tích và tổng hợp), dẫn đến hậu quả là học hời hợt thay vì học chuyên sâu.
- Sinh viên học một cách thụ động (nghe diễn thuyết, ghi chép, nhớ lại những thông tin đã học thuộc lòng khi làm bài thi) [5,1].

Trong những năm gần đây Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) đã có chủ trương và đã thực hiện một số chương trình nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy

* ThS. Trường Đại học Văn Hiến

ở đại học. Tuy vậy, cho đến nay giảng dạy đại học phổ biến nhất vẫn là sử dụng bảng viết phấn cỡ lớn, hoặc nếu sử dụng máy tính thì sẽ chỉ là các trang trình chiếu (slide) đầy chữ để sinh viên ghi chép lại. Sinh viên đại học chỉ là những “thợ chép”: Thầy nói gì, viết gì trên bảng thì cứ việc cặm cụi chép bằng hết vào vở, cuốn vở trở thành cẩm nang duy nhất cho thi cử và thậm chí cả cho việc hành nghề sau này. Dĩ nhiên học thụ động sẽ sản sinh ra những nhà “trí thức” thụ động, thiếu nghiên cứu, sáng tạo [2].

Nhìn nhận những điều này, gần đây trong một bài trả lời phỏng vấn báo chí Bộ trưởng Bộ GDĐT Phạm Vũ Luận có nhận xét: Việc dạy: kiến thức nhiều, kỹ năng ít; Việc học: Thầy dạy gì, trò học nấy; Thi: Đó là cuộc chạy đua căng thẳng với số phận chứ không phải là kiểm tra chất lượng. Thi cử đã trở thành nỗi ám ảnh đầy sợ hãi không chỉ của thế hệ trẻ mà là của cả xã hội... Với cách dạy và học này người thầy là trung tâm của quá trình giáo dục; kiến thức người thầy cung cấp cho học sinh luôn luôn là “chân lý tuyệt đối đúng”. Học sinh ở vị trí bị động của người tiếp nhận tri thức, cố nhớ thật nhiều để khi thi thì viết hoặc nói lại. Nhiều học sinh thiếu kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Chính vì vậy Bộ GDĐT đã xây dựng và trình trung ương đề án “Đổi mới giáo dục”. Về đề án này Bộ GDĐT Phạm Vũ Luận cho biết: “Bước vào trận đánh (đổi mới giáo dục), từ tướng lĩnh đến binh lính phải quyết tâm, tin vào chiến thắng, sẵn sàng trả giá. Tôi coi thực hiện đề án đổi mới giáo dục lần này là một trận đánh lớn” [4].

2. Tại sao cần đổi mới giáo dục?

Sự phát triển nhanh của khoa học - kỹ thuật trong những thập kỷ qua đã kéo theo thay đổi nhanh chóng bối cảnh kinh tế - xã hội của thế giới. Với sự tiến bộ phi thường của công nghệ thông tin, khối lượng thông tin và tri thức đã và đang tăng theo cấp số nhân. Vì vậy con người phải có khả năng thích ứng liên tục và nhanh chóng - chẳng những về tri thức mà còn về kỹ năng - với một tốc độ cực cao. Do đó nếu trước đây việc tích lũy kiến thức (nhớ) là ưu tiên số một thì giờ đây khi mà

các phương tiện lưu trữ đã đầy đủ, sẵn sàng cho việc truy cập và xử lý thông tin, thì ưu tiên số một lại là khả năng nhanh chóng tiếp cận tri thức mới, vận dụng tri thức mới và khả năng... sinh ra tri thức mới [3].

Cùng với sự chuyển biến của khoa học - kỹ thuật, yếu tố nguồn lực cũng góp phần tạo sự thay đổi của các đại học. Trước đây, ở các nước tiên tiến hầu hết các trường đại học công được chính phủ hỗ trợ phần lớn kinh phí hoạt động và các trường đại học tư cũng được hỗ trợ một phần kinh phí và điều kiện hoạt động. Hiện nay sự hỗ trợ từ nhà nước đã bị cắt giảm rất nhiều. Vì vậy hoạt động và sự phát triển của các trường đại học phải dựa vào học phí. Từ đó xuất hiện suy nghĩ coi giáo dục là một loại hàng hoá, sinh viên phải trả tiền để mua kiến thức - kỹ năng. Trường đại học trở thành cơ sở kinh tế hoạt động theo quy luật cạnh tranh của thị trường [1,33].

Tình hình cắt giảm nguồn hỗ trợ từ nhà nước cho các trường đại học công ở Việt Nam cũng giống như ở các nước tiên tiến. Riêng đại học dân lập và tư thục (sau đây gọi chung là đại học tư) từ khi được phép hoạt động đến nay nhà nước ta gần như không hỗ trợ gì về vật chất, do đó các hoạt động hoàn toàn dựa vào học phí (không kể vốn đầu tư ban đầu và phải chi bù của nhóm sáng lập, nếu thu học phí không đủ chi). Học phí của sinh viên đại học công dù thấp hơn học phí của sinh viên trường tư nhưng cũng đã tăng dần. Xu hướng cạnh tranh ngày càng thể hiện rõ nét. Thực tế đang diễn ra như thế nhưng cho đến nay xu hướng xem giáo dục là một loại hàng hoá và đại học trở thành cơ sở kinh tế chưa được nhìn nhận ở nước ta; dù vậy nhà nước và hầu hết các nhà khoa học, giáo dục đều đồng tình với định hướng đào tạo theo nhu cầu của thị trường, đào tạo ra những người trực tiếp làm việc có hiệu quả hơn là đào tạo ra những người có kiến thức mang tính lý thuyết, hàn lâm mà thực hành yếu kém.

Người học trả học phí cao, từ đó họ đòi hỏi các điều kiện học tập, chương trình học và nhất là giảng dạy phải tốt. Tình hình này tạo áp lực lớn lên nhà trường và nhất là lên giảng viên (GV).

3. Phương pháp dạy và học hiện nay

Ở các nước phát triển việc tổ chức đào tạo theo niên chế, học kỳ đã được đổi sang đào tạo theo tín chỉ với cam kết về trách nhiệm và chất lượng đào tạo đã được áp dụng từ lâu. Định hướng ngành, chương trình đào tạo của các trường dựa trên thế mạnh chuyên môn và nghiên cứu của đội ngũ. Sinh viên tốt nghiệp trường này khác với tốt nghiệp ở trường khác nhưng đa số đều đạt các tiêu chí: năng động, sáng tạo, độc lập giải quyết công việc, có kỹ năng chuyên môn, giao tiếp, làm việc nhóm và có tinh thần học hỏi liên tục. Để đạt được kết quả như thế hình thức giảng dạy tập trung trên hội trường lớn, thầy trò ít tương tác, nặng thi cử không còn phù hợp mà thay vào đó là môi trường dạy học thân thiện, “nhúng” sinh viên vào những hoạt động nghiên cứu, học tập tích cực để đạt được đầu ra mà họ mong đợi.

Thế nào là dạy tốt?

Dạy tốt là giúp cho đa số sinh viên luôn động não để tìm hiểu, phân tích, lựa chọn để tiếp thu những kiến thức - kỹ năng cần thiết cho mục tiêu mà họ mong đợi hơn là dạy để sinh viên học thuộc những gì thầy dạy.

Để đạt được yêu cầu này cần phân biệt 3 cấp độ giảng dạy:

Cấp độ 1: Cấp độ này được hình thành dựa trên suy nghĩ có tính định lượng của việc dạy và học (Cole 1990). Cấp độ 1 tập trung vào đánh giá mức học khác nhau của sinh viên: giỏi - kém. Nhắm đến việc sinh viên hiểu nội dung truyền đạt và trình bày rõ ràng, có dự giờ, lắng nghe giảng, ghi chú và đọc các tài liệu mà GV đề nghị... hay không. GV không quan tâm đến sự khác nhau về năng lực, động cơ, nguồn gốc xuất thân, sự trải nghiệm của sinh viên... Chương trình học là một loạt các môn, GV là chuyên gia kiến thức, GV truyền đạt thông tin bằng cách thuyết giảng một chiều. SV học kém, thiếu động cơ, không có kỹ năng học tập không phải là mối quan tâm của GV mà đó là trách nhiệm của các em và các nhà tham vấn tâm lý.

Cấp độ 2: Chú trọng đến GV làm gì hơn là phân biệt sinh viên giỏi hay kém. GV truyền đạt khái niệm, kiến thức hơn là cung cấp thông tin. GV kết hợp việc thuyết giảng với các hình thức dạy - học sinh động như sắm vai, thảo luận nhóm, trò chơi có mục tiêu học tập... Vì vậy GV cần có kiến thức, kỹ năng và nhiều phương cách và phương tiện giảng dạy chứ không chỉ phấn và bảng. GV sử dụng nhiều hình thức khác nhau nhưng họ phải biết rõ tại sao, khi nào cần sử dụng để sinh viên học có kết quả tốt.

Ở cấp độ này, có nhiều sách, tài liệu còn hướng dẫn thêm: GV cần đề ra kỷ luật học tập. Sử dụng các phương tiện nghe nhìn. Mắt nhìn sinh viên khi giảng. Không nên vừa giảng vừa nhìn vào giáo trình... Những hướng dẫn này tốt nhưng nghiêng về góc nhìn quản lý hơn là cách tạo thuận lợi để sinh viên học.

Cấp độ 3: Tập trung vào sinh viên làm gì. Xem sinh viên là trọng tâm của tiến trình dạy và học, dạy hỗ trợ cho học. Người thầy giỏi thành thạo nhiều kỹ thuật dạy khác nhau. Trọng tâm là nhắm vào những gì sinh viên làm và nhắm đến làm thế nào để giảng dạy đạt được đầu ra dự định. Dạy không chỉ nhằm giúp sinh viên hiểu và nhớ lý thuyết mà còn phải biết phân tích, lựa chọn những điều đã học để ứng dụng vào các tình huống thực tế liên quan. Cách dạy chỉ giúp người học hiểu và nhớ những gì thầy dạy được các nhà khoa học cho đó là cách tiếp cận bề mặt. Và cách dạy giúp sinh viên không những hiểu, nhớ lý thuyết mà còn phải biết phân tích, lựa chọn những điều đã học để ứng dụng vào các tình huống liên quan được cho là cách tiếp cận sâu [1, 37-40].

Giảng dạy hiệu quả đòi hỏi GV xây dựng giáo án, lựa chọn phương pháp hoạt động để giúp sinh viên học sâu. Điều này đòi hỏi sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập (tạo động cơ) và tạo bầu không khí tương tác thân thiện giữa sinh viên - sinh viên - GV.

Muốn tạo được động cơ, GV cần làm cho sinh viên thấy hoạt động/ chủ đề đó là quan trọng, khi tham gia họ sẽ có lợi và có khả năng họ sẽ thành công trong

hoạt động này. Vì điều này nhà trường/ giảng viên cần cân nhắc thật kỹ môn học/ nội dung/ hoạt động giảng dạy để chúng thật sự quan trọng, cần thiết, có lợi ích và khả năng thành công của sinh viên nhằm đến đầu ra đã được xác định.

Khi sinh viên cảm thấy cần hiểu biết, các em tự động chú ý đến chủ đề, tìm hiểu chi tiết và từ đó các em có được hiểu biết vừa rộng vừa sâu. Khi sử dụng cách tiếp cận sâu sinh viên sẽ có các cảm nhận tích cực như: lợi ích, quan trọng, thách thức, sự hồ hởi và xem học một niềm vui.

Những yếu tố khuyến khích sinh viên chấp nhận cách tiếp cận này gồm:

- GV cần xác định rõ cấu trúc của chủ đề.
- GV nêu ra những câu hỏi để sinh viên trả lời hơn là thuyết giảng.
- GV sử dụng phù hợp các hình thức giáo dục tích cực như: sắm vai, phân tích tình huống, thảo luận nhóm, seminar, trò chơi học tập...
- GV dạy dựa trên cơ sở những gì sinh viên đã biết.
- GV đánh giá sinh viên một cách tổng thể hơn là dựa vào những chi tiết riêng lẻ.
- GV giảng và đánh giá theo cách khuyến khích bầu không khí học tích cực, sinh viên có thể có sai sót nhưng các em học được từ chính những sai sót này.
- GV chú trọng dạy sâu hơn là rộng [1,46].

Về bầu không khí học tập tương tác được xây dựng dựa trên thuyết quản lý của MacGregor (1960): Thuyết X và thuyết Y. Thuyết X cho là công nhân không đáng tin cậy. Thuyết Y thì ngược lại, thuyết này cho rằng công nhân có thể tin được và nhà quản lý sẽ nhận được kết quả tốt hơn khi tin họ [1, 58].

Các ý tưởng này được đưa vào lớp học. Thuyết X giả định là sinh viên không muốn học, họ sẽ không chịu

học, học qua loa nếu GV thả lỏng. Vì vậy, theo thuyết này GV đưa ra những hình thức kỷ luật, chế tài nghiêm khắc như điểm danh mỗi buổi học, vắng mặt trừ điểm, vắng quá một tỷ lệ nào đó thì bị cấm thi cuối môn học... Một số nhà giáo dục cho là nếu GV đồng tình với quan điểm của thuyết X và áp dụng nghiêm khắc các hình thức có tính "ép" sinh viên học sẽ làm cho sinh viên học tập trong bầu không khí lo âu, căng thẳng và dễ dẫn đến việc chán học, học đối phó. Cách này chỉ phù hợp với phương pháp giảng dạy ở Cấp độ 1.

Thuyết Y giả định là sinh viên sẽ học tốt khi cho họ tự do và có cơ hội bày tỏ ý kiến. Từ tự do ở đây không có nghĩa là không có tổ chức môi trường giảng dạy và học tập mà phải tổ chức một cách linh hoạt các hoạt động giảng, thực tập, thực hành, tham khảo trước tài liệu, xác định rõ mục đích dạy - học và có theo dõi, phản hồi về sự tiến bộ của sinh viên. Chú trọng đến việc phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học cho phù hợp đặc điểm cá nhân và kiểu nhận thức của sinh viên, tạo được động cơ học tập và phát triển lối học và dạy theo chiều sâu; đáp ứng được mục tiêu đào tạo sinh viên đại học hiện nay theo quan niệm của UNESCO [5,43] .

- Có năng lực trí tuệ và có khả năng sáng tạo và thích ứng.
- Có khả năng hành động (các kĩ năng sống) để có thể lập nghiệp.
- Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để có thể học thường xuyên, suốt đời.
- Có năng lực quốc tế (ngoại ngữ, văn hóa toàn cầu...) để có khả năng hội nhập.

4. Kết luận

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin trong vài thập kỷ qua đã làm thay đổi liên tục và nhanh chóng mọi hoạt động liên quan đến đời sống của con người trên toàn cầu. Hoạt động giáo dục không là ngoại lệ. Các cơ quan hữu quan cũng như nhiều người đã

nhận thấy những yếu kém, không phù hợp... của nền giáo dục nước ta và cũng đã có nhiều bàn thảo, góp ý thể hiện mong đợi cải cách, đổi mới...

Nhận thức rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của cải cách giáo dục, năm 2012 Quốc hội đã ban hành Luật giáo dục mới (có hiệu lực từ đầu năm 2013) với nhiều cải tiến; Tháng 10/2013 Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã ban hành nghị quyết đổi mới căn bản, toàn diện

giáo dục và đào tạo; Bộ GDĐT cũng đã trình đề án đổi mới giáo dục. Đổi mới giáo dục là một chiến lược dài hạn với rất nhiều việc lớn phải làm, nhưng với những chủ trương tích cực, tiến bộ nêu trên của Đảng và nhà nước ta, tôi tin rằng lần này nền giáo dục nước ta sẽ dần được cải tiến để theo kịp các nước tiến bộ trong khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biggs, Tang (2007), *Teaching for quality learning at University*, McGROW HILL, Australia (www.openup.co.uk).
2. Ngô Tứ Thành (2008), "Giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy ở các Trường đại học ICT hiện nay", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn* 24.
3. <http://dantri.com.vn/c25/s25-383799/can-doi-moi-cach-giang-day-o-dai-hoc.htm>
4. <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Bo-truong-Bo-GDDT-Toi-coi-doi-moi-giao-duc-lan-nay-la-tran-danh-lon/318823.gd>
5. <http://uhd.edu.vn/ngghien-cu-khoa-hc/thong-tin-khoa-hc>